

Số: 39/2025/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với
người học nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 407/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với người học nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-VHXXH ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với người học nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Thống nhất thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với người học nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với người học nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng người học được hỗ trợ

Người học thuộc các đối tượng sau đây tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng:

a) Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm.

b) Người thuộc hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, người sau cai nghiện ma túy, người chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương tái hòa nhập cộng đồng, người làm nghề khai thác thủy sản có nhu cầu chuyển đổi nghề.

3. Điều kiện người học được hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 152/2016/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Thông tư số 43/2023/TT-BTC.

4. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2, ngoài mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, được hỗ trợ thêm tiền ăn với mức 20.000 đồng/người/ngày thực học.

b) Các đối tượng quy định tại điểm b khoản 2:

- Mức hỗ trợ tiền ăn 50.000 đồng/người/ngày thực học.

- Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên.

5. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh,
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành liên quan;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Đạt